

Số: 565/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 15 tháng 3 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La (theo Giấy phép số 3347/GP-UBND ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh)**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ Quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 3347/GP-UBND ngày 08/12/2014 của UBND tỉnh Sơn La cấp cho Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn FOCOCEV - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La, nay là Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La (theo Quyết định số 197/QĐ-HĐQT ngày 07/7/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần tinh bột sắn FOCOCEV);

Xét Bản kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 200/TTr-STNMT ngày 12/3/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước của Chi nhánh Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La (địa chỉ: Xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La) theo Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 3347/GP-UBND ngày 08/12/2014 do UBND tỉnh Sơn La cấp, với những nội dung sau:

**1. Tên công trình khai thác, sử dụng nước:** Nhà máy tinh bột sắn Sơn La.

**2. Mục đích sử dụng nước của công trình:** Khai thác nước dưới đất phục vụ nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân viên làm việc tại Nhà máy tinh bột sắn Sơn La.

**3. Mục đích sử dụng nước phải nộp tiền:** Khai thác nước dùng cho sản xuất phi nông nghiệp.

**4. Giá tính tiền cấp quyền cho mục đích sử dụng:** 5.000 VNĐ/m<sup>3</sup>.

**5. Tổng số tiền phải nộp:** 5.303.000 đồng Việt Nam (*Bằng chữ: Năm triệu, ba trăm linh ba nghìn đồng Việt Nam*).

- Số tiền phải nộp hằng năm:

+ Số tiền phải nộp trong năm đầu tiên: Tính từ ngày 01/9/2017 đến hết ngày 31/12/2017 là 244.000 đồng.

+ Số tiền phải nộp trong các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023: Mỗi năm 729.000 đồng.

+ Số tiền phải nộp năm cuối cùng: Tính từ ngày 01/01/2024 đến hết ngày 08/12/2024 là: 685.000 đồng.

**6. Phương án nộp tiền:** Nộp theo năm.


**7. Số tiền, thời gian và địa điểm nộp tiền:** Thực hiện theo thông báo của Cục thuế tỉnh Sơn La.

**Điều 2.** Cục thuế tỉnh Sơn La có trách nhiệm ban hành thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước chậm nhất là 10 ngày làm việc, kể từ khi nhận được Quyết định này; thực hiện các trách nhiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ.

Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và thực hiện các quy định tại khoản 3 Điều 13 và Điều 17 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ. Đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực của việc kê khai tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp phát hiện kê khai không trung thực dẫn đến giảm số tiền phải nộp thì sẽ bị truy thu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Nếu phát sinh các trường hợp phải điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ thì Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La phải lập ngay hồ sơ điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính; Cục trưởng Cục thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Mai Sơn; Chi cục trưởng Chi cục thuế huyện Mai Sơn; Giám đốc Công ty cổ phần tinh bột sắn Phú Yên - Nhà máy tinh bột sắn Sơn La; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành. / 

**Nơi nhận:**

- TT tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Cục Quản lý tài nguyên nước;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HS - Hiệu 20 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Bùi Đức Hải**

